VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay

Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

[1] Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng."

1. Nghị định này quy định về việc đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay tại Việt Nam, bao gồm: Đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch tàu bay; đăng ký và xóa đăng ký các quyền đối với tàu bay; cấp mã số để đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; đăng ký, xóa đăng ký văn bản chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay.

2. Nghị định này không quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay công vụ, bao gồm tàu bay quân sự, tàu bay chuyên dụng của lực lượng hải quan, công an và các tàu bay khác sử dụng cho mục đích công vụ nhà nước, trừ trường hợp tàu bay công vụ được dùng vào mục đích dân dụng.

3. Việc đăng ký thế chấp hoặc đăng ký cầm cố đối với tàu bay được thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch, đăng ký các quyền đối với tàu bay tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đăng ký quốc tịch tàu bay bao gồm đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

2. Các quyền đối với tàu bay, bao gồm:

a) Quyền sở hữu tàu bay;

b) Quyền chiếm hữu tàu bay thông qua việc thuê - mua hoặc thuê tàu bay có thời hạn từ sáu tháng trở lên;

c) Thế chấp, cầm cố tàu bay hoặc các giao dịch bảo đảm khác theo quy định của pháp luật về dân sự;

d) Quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay;

đ) Các quyền khác theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Công ước và Nghị định thư Cape Town (gọi tắt là Công ước Cape Town) là Công ước về quyền lợi quốc tế đối với trang thiết bị lưu động và Nghị định thư về các vấn đề cụ thể đối với trang thiết bị tàu bay.

4. Quyền lợi quốc tế đối với tàu bay là các quyền lợi do người nhận bảo đảm bằng tàu bay, người cho thuê tàu bay, người bán tàu bay có điều kiện nắm giữ theo quy định của Công ước Cape Town.

5. Quyền lợi quốc tế được đăng ký là các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay được đăng ký tại Tổ chức Đăng ký quốc tế theo quy định của Công ước Cape Town.

6. Mã số AEP (Authority Entry Point Code) là mã số được cấp theo quy định của Công ước Cape Town để phục vụ cho việc đăng ký hoặc xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay.

7. Văn bản IDERA (Irrevocable De-registration and Export Request Authorisation) là văn bản được ban hành theo quy định của Công ước Cape Town, trong đó chỉ rõ người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay.

8. Thứ tự ưu tiên thanh toán là thứ tự của các khoản nợ được ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật.

Chương II
ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY; XUẤT KHẨU TÀU BAY

Mục 1
ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY

Điều 4. Yêu cầu và điều kiện đăng ký quốc tịch tàu bay

1. Yêu cầu về đăng ký quốc tịch tàu bay

a)[2] Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam và do tổ chức, cá nhân Việt Nam khai thác (trường hợp tàu bay do cá nhân khai thác thì cá nhân phải thường trú tại Việt Nam); tàu bay được thuê mua hoặc thuê theo hình thức thuê không có tổ bay với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai thác tại Việt Nam phải đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Nghị định này;

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

b) Trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhập khẩu vào Việt Nam, tàu bay phải được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam.

2. Điều kiện tàu bay được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam

a) Chưa có quốc tịch của bất kỳ quốc gia nào hoặc đã xóa đăng ký quốc tịch nước ngoài;

b) Có giấy tờ hợp pháp chứng minh về quyền sở hữu tàu bay; quyền chiếm hữu tàu bay đối với trường hợp thuê - mua hoặc thuê tàu bay;

c)[3] Đối với tàu bay đã qua sử dụng, khi đăng ký quốc tịch lần đầu phải đáp ứng yêu cầu về tuổi như quy định áp dụng cho tàu bay đã qua sử dụng tại thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của pháp luật.

d) Đáp ứng các điều kiện, yêu cầu về đảm bảo quốc phòng, an ninh; an toàn hàng không, an ninh hàng không và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3.[4] Điều kiện tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam

Tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam nếu tàu bay đó đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam và đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b và d khoản 2 Điều này.

4. Người có quyền đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay, bao gồm:

a) Chủ sở hữu tàu bay;

b) Người thuê - mua tàu bay, người thuê tàu bay (sau đây gọi chung là người thuê tàu bay).

Điều 5. Thủ tục đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam

1. Người đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam gửi 01 bộ[5] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình

---

[3] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[5] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

thức khác[6] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[7] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[8] giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;

---

[6] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[8] Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính" theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[9] giấy chứng nhận chưa có đăng ký do quốc gia nhà chế tạo cấp hoặc giấy chứng nhận đã xóa đăng ký do quốc gia đã đăng ký cấp;

đ) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[10] tài liệu về tình trạng kỹ thuật của tàu bay, bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu còn hiệu lực đối với tàu bay được sản xuất tại nước ngoài; văn bản xác nhận của nhà chế tạo về tuân thủ các điều kiện thiết kế, chế tạo còn hiệu lực đối với tàu bay mới xuất xưởng; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng thực hiện các chỉ lệnh hoặc thông báo kỹ thuật đã được thực hiện trên tàu bay; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng kỹ thuật của tàu bay, động cơ và các thiết bị khác;

e) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[11] hợp đồng mua tàu bay hoặc hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê - mua tàu bay.

---

[9] Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính" theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[10] Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính" theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[11] Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính" theo quy định tại điểm c khoản 17

3.[12] *(được bãi bỏ)*

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.[13]

Điều 6. Thủ tục đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam

1. Người đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam gửi 01 bộ[14] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[15] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

---

[12] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[13] Cụm từ "Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định." được bổ sung vào sau cụm từ "phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật." theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[14] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[15] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[16] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[17] giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;

d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[18] giấy tờ hợp pháp chứng minh việc tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;

---

[16] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[17] Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính" theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[18] Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính" theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

đ) Hồ sơ thiết kế tàu bay.

3.[19] *(được bãi bỏ)*

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam có giá trị hiệu lực không quá 36 tháng kể từ ngày cấp và không được gia hạn.

6. Người đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.[20]

Điều 7. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay

1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam bị rách, hư hỏng hoặc bị mất thì người đề nghị đăng ký phải thông báo bằng văn bản đến Cục Hàng không Việt Nam để được cấp lại Giấy chứng nhận.

---

[19] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[20] Cụm từ "Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định." được bổ sung vào sau cụm từ "phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật." theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

2. Người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay gửi 01 bộ[21] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[22] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[23] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam trừ trường hợp bị mất; đăng thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Hàng không Việt Nam.

---

[21] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[22] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[23] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.[24]

Mục 2
XÓA ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY, XUẤT KHẨU TÀU BAY

Điều 8. Các trường hợp xóa đăng ký quốc tịch

1. Các trường hợp tàu bay bị xóa đăng ký mang quốc tịch Việt Nam, gồm:

a) Tàu bay bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

b) Tàu bay không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này;

c) Theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay;

d) Theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA;

đ)[25] Tàu bay hư hỏng nặng không còn khả năng sửa chữa, phục hồi.

2. Các trường hợp tàu bay bị xóa đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, gồm:

a) Thời hạn đăng ký tạm thời đã hết theo Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam;

---

[24] Cụm từ "Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định." được bổ sung vào sau cụm từ "phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật." theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[25] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

b) Tàu bay không còn trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;

c) Theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người được chỉ định tại văn bản IDERA.

Điều 9. Thủ tục xóa đăng ký quốc tịch tàu bay

1.[26] Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các điểm a, b và đ khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 8 Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam quyết định xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp bị mất hoặc tiêu hủy theo tàu bay.

2. Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các Điểm c, d Khoản 1, Điểm c Khoản 2 Điều 8 Nghị định này, người đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay gửi 01 bộ[27] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[28] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay,

3. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam, bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

---

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[27] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[28] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức khác" được thay thế bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

b)[29] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam;

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c) Trường hợp người đề nghị xóa đăng ký là người được chỉ định tại văn bản IDERA thì hồ sơ phải bao gồm cả văn bản đồng ý xóa đăng ký và xuất khẩu tàu bay của những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn so với quyền lợi quốc tế của người đề nghị xóa đăng ký hoặc có tài liệu để chứng minh các quyền lợi quốc tế được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn đã được thực hiện;

d) Trường hợp người đề nghị xóa đăng ký là người nhận bảo đảm bằng tàu bay theo chỉ định tại văn bản IDERA, hồ sơ phải bao gồm cả tài liệu chứng minh người đề nghị xóa đăng ký đã thông báo bằng văn bản đến những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký, chủ sở hữu tàu bay, người đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay về việc đề nghị xóa đăng ký tàu bay ít nhất 10 ngày trước ngày nộp hồ sơ đề nghị.

4.[30] *(được bãi bỏ)*

5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam

---

[29] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[30] Khoản này được bãi bỏ theo quy định theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

hoặc Giấy chứng nhận tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp bị mất hoặc tiêu hủy theo tàu bay; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị xóa đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

6. Người đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.[31]

Điều 10. Xuất khẩu tàu bay

1. Điều kiện xuất khẩu tàu bay bao gồm:

a) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;

b) Đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh; an toàn hàng không, an ninh hàng không và bảo vệ môi trường theo quy định;

c)[32] *(được bãi bỏ)*

d) Tàu bay đã được xóa đăng ký mang quốc tịch Việt Nam.

2. Người có quyền đề nghị xuất khẩu tàu bay, bao gồm:

a) Chủ sở hữu tàu bay; người cho thuê tàu bay;

b) Người được chỉ định tại văn bản IDERA.

---

[31] Cụm từ "Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định." được bổ sung vào sau cụm từ "phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật." theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[32] Điểm này được bãi bỏ theo quy định theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

3.[33] Trường hợp chủ sở hữu tàu bay, người cho thuê tàu bay đề nghị xuất khẩu tàu bay thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đề nghị đăng ký tàu bay, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xuất khẩu tàu bay.

5. Việc xuất khẩu tàu bay được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, quy định về cấp phép bay và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Mục 3
DẤU HIỆU QUỐC TỊCH VÀ DẤU HIỆU ĐĂNG KÝ

Điều 11. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký

1. Dấu hiệu quốc tịch Việt Nam của tàu bay bao gồm biểu tượng Quốc kỳ Việt Nam và dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

2. Dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam được biểu thị bằng hai (02) chữ cái viết liền "VN" và tiếp theo là dấu gạch nối "-", một trong các chữ cái sau đây và ba (03) chữ số Ả rập:

a) Chữ "A" đối với tàu bay có động cơ phản lực (Turbofan/Turbojet);

b) Chữ "B" đối với tàu bay có động cơ phản lực cánh quạt (Turboprop);

c) Chữ "C" đối với tàu bay có động cơ piston;

d) Chữ "D" đối với các phương tiện bay khác.

Điều 12. Yêu cầu chung đối với việc sơn, gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký tàu bay

1. Khi hoạt động, tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký.

2.[34] Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam không được có dấu hiệu có nội dung hoặc hình thức giống hoặc có thể gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác.

---

[33] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) về dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

Điều 13. Vị trí và kích thước của dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký

1. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam được thể hiện trên thân và cánh tàu bay phải bảo đảm có độ bền, rõ ràng và dễ nhận biết bằng mắt thường hoặc bằng các phương tiện nhận biết thông thường khác.

2. Yêu cầu đối với việc sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký, cụ thể như sau:

a)[35] Hình ảnh Quốc kỳ Việt Nam có chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, kích thước cân đối và phù hợp với từng loại tàu bay; được sơn hoặc gắn ở hai mặt ngoài của cánh đuôi đứng hoặc hai bên phần đầu thân của tàu bay.

b) Chữ và số thể hiện dấu hiệu đăng ký phải được trình bày bằng chữ và số in hoa; chiều cao của mỗi ký tự (trừ dấu gạch nối) trong cùng một nhóm dấu hiệu phải bằng nhau;

c) Chiều rộng của mỗi ký tự (trừ số 1) phải bằng hai phần ba (2/3) chiều cao của mỗi ký tự; chiều rộng của số 1 phải bằng một phần sáu (1/6) chiều cao của mỗi ký tự. Dấu gạch nối phải nằm ở khoảng giữa chiều cao của ký tự và có chiều rộng bằng một nửa chiều cao của ký tự;

d) Đường nét của mỗi ký tự phải là nét đậm, có màu sắc tương phản với nền của vị trí được sơn, gắn dấu hiệu. Độ rộng của đường nét bằng một phần sáu chiều cao của mỗi ký tự. Khoảng cách giữa các ký tự ít nhất phải bằng một phần tư (1/4) chiều rộng của mỗi ký tự.

3. Vị trí và chiều cao của việc sơn, gắn dấu hiệu đăng ký đối với tàu bay nặng hơn không khí, cụ thể như sau:

---

[34] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[35] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

a) Ở cánh của tàu bay: Mặt dưới của cánh trái và có thể là toàn bộ mặt dưới của hai cánh nếu phải kéo dài. Dấu hiệu phải nằm ở vị trí cách đều với mép trước và mép sau của cánh; đỉnh của dấu hiệu phải hướng về mép trước của cánh tàu bay. Chiều cao của dấu hiệu ít nhất phải bằng 50 cm;

b) Ở thân của tàu bay (hoặc các cấu trúc tương tự) và bề mặt đuôi đứng: Chiều cao của dấu hiệu ít nhất bằng 30 cm và tại hai bên của thân tàu bay, trong khoảng giữa cánh và đuôi nằm ngang hoặc nửa trên của hai mặt đối với tàu bay có một đuôi đứng, nửa trên của mặt ngoài của các đuôi phía ngoài đối với tàu bay có nhiều đuôi đứng.

4.[36] Đối với tàu bay nặng hơn không khí nhưng không có bộ phận đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều này và tàu bay khác không phải tàu bay nặng hơn không khí, việc sơn hoặc gắn dấu hiệu do người đăng ký tàu bay quyết định và phải phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5.[37] Trường hợp tàu bay được thuê có tổ bay, tàu bay phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhập khẩu vào Việt Nam.

Chương III
ĐĂNG KÝ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI TÀU BAY, XÓA ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY, QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY

Mục 1
ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY, QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY

Điều 14. Nguyên tắc chung

---

[36] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[37] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

1. Các quyền đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải được đăng ký theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có các quyền đối với tàu bay mang quốc tịch nước ngoài thì thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật của quốc gia mà tàu bay mang quốc tịch.

3. Thời điểm đăng ký các quyền đối với tàu bay quy định tại Khoản 1 Điều này được xác định theo thời điểm nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 15. Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tàu bay

1. Chủ sở hữu tàu bay đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay gửi 01 bộ[38] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[39] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[40] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải

---

[38] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 09 năm 2022.

[39] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức khác" được thay thế bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[40] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[41] giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay; trường hợp chuyển quyền sở hữu tàu bay phải có thêm giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của chủ sở hữu cũ.

3.[42] *(được bãi bỏ)*

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.[43]

---

[41] Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính" theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[42] Khoản này được bãi bỏ theo quy định theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[43] Cụm từ "Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định." được bổ sung vào sau cụm từ "phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật." theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Điều 16. Thủ tục đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay

1.[44] Người thuê mua tàu bay, người thuê tàu bay có thời hạn từ 06 tháng trở lên đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[45] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[46] hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu

---

[44] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[45] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[46] Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính" theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay đồng thời là chủ sở hữu tàu bay;

d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[47] hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay và giấy tờ chứng minh bên cho thuê hoặc bên cho thuê mua tàu bay có quyền cho thuê lại tàu bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng cho thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay không phải là chủ sở hữu tàu bay.

3.[48] *(được bãi bỏ)*

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.[49]

---

[47] Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính" theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[48] Khoản này được bãi bỏ theo quy định theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[49] Cụm từ "Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định." được bổ sung vào sau cụm từ "phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật." theo

Điều 17. Thủ tục đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay, người đề nghị đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay gửi 01 bộ[50] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[51] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[52] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn

---

quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[50] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[51] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[52] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

4. Người đề nghị đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.[53]

Điều 18. Đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay của tàu bay mang quốc tịch nước ngoài

Việc đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay của tàu bay mang quốc tịch nước ngoài được thực hiện theo pháp luật của quốc gia đăng ký tàu bay. Cục Hàng không Việt Nam xác nhận việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay đã thực hiện tại Việt Nam và thông báo cho quốc gia đăng ký tàu bay.

Điều 19. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay

1. Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay đã cấp nếu bị rách, hư hỏng hoặc bị mất thì người đề nghị đăng ký phải thực hiện thủ tục để được cấp lại theo quy định tại Nghị định này.

---

[53] Cụm từ "Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định." được bổ sung vào sau cụm từ "phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật." theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

2. Người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay gửi 01 bộ[54] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[55] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[56] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay, Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay; thu hồi Giấy

---

[54] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[55] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[56] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

chứng nhận quyền sở hữu tàu bay, Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay trừ trường hợp bị mất; đăng thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Hàng không Việt Nam; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay nộp lệ phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.[57]

Mục 2
XÓA ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY, QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY

Điều 20. Thủ tục xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay

1. Chủ sở hữu tàu bay đề nghị xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay gửi 01 bộ[58] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác

---

[57] Cụm từ "Thời gian thực hiện việc nộp lệ phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định." được bổ sung vào sau cụm từ "phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật." theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[58] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[59] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[60] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam;

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

3.[61] Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị xóa đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

---

[59] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[60] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[61] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Điều 21. Thủ tục xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay

1. Người thuê tàu bay đã đăng ký đề nghị xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi 01 bộ[62] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[63] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[64] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam;

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

3.[65] Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp

---

[62] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[63] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[64] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[65] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Chương IV
THỦ TỤC CẤP MÃ SỐ AEP VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ VĂN BẢN IDERA

Điều 22. Thủ tục cấp mã số AEP

1. Tổ chức, cá nhân có các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam đề nghị cấp mã số AEP gửi 01 bộ[66] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[67] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị cấp mã số AEP, bao gồm:

a) Hai (02) tờ khai cấp mã số AEP theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[68] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

---

[66] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[67] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[68] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[69] giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền lợi quốc tế đối với tàu bay của người đề nghị cấp mã số AEP.

3.[70] *(được bãi bỏ)*

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp mã số AEP và trả lại một (01) tờ khai cho người đề nghị; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5.[71] Người đề nghị cấp mã số AEP phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.

---

[69] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[70] Khoản này được bãi bỏ theo quy định theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[71] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Điều 23. Thủ tục đăng ký văn bản IDERA

1. Chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay đề nghị đăng ký văn bản IDERA gửi 01 bộ[72] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[73] đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký văn bản IDERA, bao gồm:

a) Hai (02) tờ khai đăng ký văn bản IDERA theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[74] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính[75] tài liệu chứng minh quyền lợi quốc tế của người được chỉ định đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

---

[72] Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[73] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[74] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[75] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

3.[76] *(được bãi bỏ)*

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xác nhận đăng ký trong tờ khai đăng ký văn bản IDERA và trả lại một (01) tờ khai cho người đề nghị; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5.[77] Người đề nghị đăng ký văn bản IDERA phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.

Điều 24. Thủ tục xóa đăng ký văn bản IDERA[78]

1. Người được chỉ định trong văn bản IDERA đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA bao gồm:

a) 02 tờ khai xóa đăng ký văn bản IDERA (đối với trường hợp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính) hoặc 01 tờ khai xóa đăng ký văn bản IDERA (đối với trường hợp gửi hồ sơ trên môi trường điện tử) theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành

---

[76] Khoản này được bãi bỏ theo quy định theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[77] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[78] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

kèm theo Nghị định này, trong đó người được chỉ định trong văn bản IDERA trực tiếp ký đơn đề nghị xóa đăng ký;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp xác nhận xóa đăng ký trong tờ khai xóa đăng ký văn bản IDERA và trả lại 01 tờ khai cho người đề nghị; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.

Chương V
SỔ ĐĂNG BẠ TÀU BAY VIỆT NAM

Điều 25. Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam

1. Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam được sử dụng để ghi các thông tin liên quan đến đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch và các quyền đối với tàu bay, việc xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay và các thông tin khác liên quan đến tàu bay mang quốc tịch Việt Nam và tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam.

Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam được lập dưới dạng Sổ ghi chép trên giấy hoặc lập Sổ điện tử.

2. Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Ngày vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam đối với từng loại đăng ký;

b) Giấy chứng nhận đã cấp với từng loại đăng ký: Số, ngày cấp;

c) Quốc tịch và số hiệu đăng ký;

d) Loại tàu bay;

đ) Nhà sản xuất tàu bay;

e) Số và ngày xuất xưởng tàu bay;

g) Phân nhóm tàu bay;

h) Giấy chứng nhận loại tàu bay: Số, cơ quan cấp;

i) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu: Số, cơ quan cấp, ngày cấp;

k) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay: Số, cơ quan cấp, ngày cấp;

l) Chủ sở hữu: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

m) Người chiếm hữu: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

n) Thời hạn của việc chiếm hữu đối với tàu bay thuê;

o) Người khai thác: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

p) Người thuê tàu bay: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

q) Bên bảo đảm: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

r) Bên nhận bảo đảm: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

s) Giá trị nghĩa vụ được bảo đảm bằng tàu bay;

t) Thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký giao dịch bảo đảm;

u) Người thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

v) Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch của người thực hiện cứu hộ, giữ gìn tàu bay;

x) Thời hạn có hiệu lực đối với tàu bay được đăng ký tạm thời quốc tịch;

y) Xóa đăng ký đối với từng loại đăng ký: Ngày, lý do xóa đăng ký;

z) Các thông tin cần thiết khác.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của tàu bay đề nghị cung cấp thông tin đã được đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay gửi hồ sơ trực tiếp, qua hệ

thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác[79] đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị cung cấp thông tin bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[80] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

4.[81] Người đề nghị cung cấp thông tin phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện việc nộp phí của người đề nghị không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.

4. Người đề nghị cung cấp thông tin phải nộp phí theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay, Cục Hàng không Việt Nam cung cấp thông tin về việc đăng ký quốc tịch tàu bay cho Bộ Quốc phòng để phục vụ công tác quản lý vùng trời, quản lý bay và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

---

[79] Cụm từ "hoặc bằng các hình thức phù hợp khác" bằng cụm từ "hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác" theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[80] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

[81] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Điều 27. Giải quyết khiếu nại, kiến nghị; sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA[82]

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm giải quyết và trả lời bằng văn bản các khiếu nại, kiến nghị theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA.

2. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính tài liệu chứng minh về các thông tin cần sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh

---

[82] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA, cấp Giấy chứng nhận mới hoặc ban hành văn bản liên quan.

Trường hợp từ chối việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA thì Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Các Giấy chứng nhận mới hoặc văn bản liên quan được Cục Hàng không Việt Nam ban hành sau quá trình sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh sẽ thay thế cho các giấy chứng nhận, văn bản tương ứng ban đầu.

5. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Cục Hàng không Việt Nam hoặc qua đường bưu chính hoặc trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo quy định.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành[83]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015.

---

[83] Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 có quy định như sau:

*"**Điều 4. Hiệu lực thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.

2. Bãi bỏ Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay (sau đây gọi là Nghị định số 07/2019/NĐ-CP).

3. Hồ sơ các thủ tục hành chính đã gửi đến Cục Hàng không Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện quy định tại Nghị định số 68/2015/NĐ-CP; Nghị định số 07/2019/NĐ-CP; Nghị định số 92/2016/NĐ-CP; Nghị định số 89/2019/NĐ-CP; Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng và Nghị định số 50/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng.

Điều 29. Xử lý chuyển tiếp

Các Giấy chứng nhận liên quan đến đăng ký tàu bay tại Việt Nam đã cấp trước ngày Nghị định có hiệu lực thì vẫn tiếp tục có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận đó; trường hợp các Giấy chứng nhận này hết hiệu lực thì phải thực hiện việc cấp mới theo quy định tại Nghị định này.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính quy định mức thu và chế độ quản lý, sử dụng các loại phí, lệ phí liên quan đến việc đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay, đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay, cấp mã số đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, đăng ký và xóa đăng ký văn bản chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay; cung cấp thông tin trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam và sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 51/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

Phụ lục

MẪU TỜ KHAI, GIẤY CHỨNG NHẬN SỬ DỤNG KHI ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH VÀ ĐĂNG KÝ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI TÀU BAY

(Ban hành kèm theo Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ)

STT	TÊN MẪU ĐƠN, GIẤY CHỨNG NHẬN
Mẫu số 01	Tờ khai đăng ký tàu bay
Mẫu số 02	Tờ khai xóa đăng ký
Mẫu số 03	Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận/sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin
Mẫu số 04	Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam
Mẫu số 05	Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam
Mẫu số 06	Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam
Mẫu số 07	Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu tàu bay
Mẫu số 08	Giấy chứng nhận đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay
Mẫu số 09	Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay
Mẫu số 10	Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu, quyền chiếm hữu tàu bay
Mẫu số 11	Tờ khai cấp mã số đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam
Mẫu số 12	Tờ khai đăng ký chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay
Mẫu số 13	Tờ khai xóa đăng ký chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay
Mẫu số 14	Tờ khai cung cấp thông tin

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NAME OF ORGANIZATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI
Đăng ký tàu bay
Application for registration of aircraft

I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/APPLICANT

1. Tên/Full name: .....
2. Quốc tịch/Nationality: .....
3. Địa chỉ/Address:.....
4. Điện thoại/Tel:

II. TÀU BAY/AIRCRAFT[1]

1. Loại tàu bay/Type of aircraft:.....
2. Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:.....
3. Nhà sản xuất/Manufacturer:.....
4. Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft serial number:.....
5. Trọng lượng cất cánh tối đa/MTOW:.....
6. Năm xuất xưởng/Year:.....
7. Số lượng và kiểu loại động cơ/Number and designation of engines:.....
8. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký/Nationality and registration mark:.....

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ[2]/REGISTRATION INFORMATION

Đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam/Registration of Vietnamese nationality of aircraft - Tên và địa chỉ của chủ sở hữu/Full name and address of the owner:..... - Tên và địa chỉ người thuê/Full name and address of the lessee:..... - Tên và địa chỉ người cho thuê/Full name and address of the lessor:.....	□

[1] Người đề nghị thông tin tùy theo loại đăng ký thích hợp

[2] Người đề nghị lựa chọn loại đăng ký thích hợp

Đăng ký tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam/Registration of temporary Vietnamese nationality of aircraft - Tên và địa chỉ của chủ sở hữu/Full name and address of the owner: ..... - Tên và địa chỉ người thuê/Full name and address of the lessee: ..... - Tên và địa chỉ người cho thuê/Full name and address of the lessor:	□
Đăng ký quyền sở hữu tàu bay/Ownership	□
Đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay/Right to possession Thời hạn chiếm hữu/Duration of possession: - Thời điểm bắt đầu/Date of effectiveness:..... - Thời điểm kết thúc/Date of expiry:.....	□
Đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay/Registration of priority right to payment for rescue and preservation of aircraft - Địa điểm thực hiện cứu hộ gìn giữ tàu bay/Place of rescue and preservation:..... - Thời gian thực hiện cứu hộ và gìn giữ tàu bay/Time of rescue and preservation:.....	□

Tài liệu gửi kèm theo đơn/Attachments:

Ngày tháng năm
Date month year
Người đề nghị/Applicant
(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NAME OF ORGANIZATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI
Xóa đăng ký
Application for deregistration of aircraft

I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/APPLICANT

1. Tên/Full name: .....
2. Quốc tịch/Nationality: .....
3. Địa chỉ/Address:.....
4. Điện thoại/Tel:

II. TÀU BAY/AIRCRAFT

1. Loại tàu bay/Type of aircraft:.....
2. Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:.....
3. Nhà sản xuất/Manufacturer:.....
4. Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft serial number:.....
5. Trọng lượng cất cánh tối đa/MTOW:.....
6. Năm xuất xưởng/Year:.....
7. Số lượng và kiểu loại động cơ/Number and designation of engines:.....
8. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký/Nationality and registration mark:.....

III. NỘI DUNG XÓA ĐĂNG KÝ[3]/DEREGISTRATION INFORMATION

Xóa đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam/Deregistration of Vietnamese nationality of aircraft Giấy chứng nhận đã cấp/Issued certificate: - Số/No.:..... - Ngày cấp/Date of issued:.....	☐
Xóa đăng ký tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam/Deregistration of temporary Vietnamese nationality of aircraft	☐

[3] Người đề nghị lựa chọn đăng ký thích hợp

Giấy chứng nhận đã cấp/Issued certificate: - Số/No.:..... - Ngày cấp/Date of issued:.....	
Xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay/Deregistration of aircraft ownership Giấy chứng nhận đã cấp/Issued certificate: - Số/No.:..... - Ngày cấp/Date of issued:.....	☐
Xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay/Deregistration of right to aircraft possession Giấy chứng nhận đã cấp/Issued certificate: - Số/No.:..... - Ngày cấp/Date of issued:.....	☐

Tài liệu gửi kèm theo đơn/Attachments:

Ngày tháng năm
Date month year
Người đề nghị/Applicant
(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

Mẫu số 03[84]

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **NAME OF ORGANIZATION**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**

TỜ KHAI

Cấp lại giấy chứng nhận/sửa chữa, bổ sung , điều chỉnh thông tin

Application for reissuing certificate/Amending information in issued certificate

I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/APPLICANT

1. Tên/Full name:.....
2. Quốc tịch/Nationality:.....
3. Địa chỉ/Address:.....
4. Điện thoại/Tel:

II. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ CẤP/ISSUED CERTIFICATE

1. Số/No:.....
2. Ngày cấp/Date of issued:.....
3. Nội dung đăng ký/Registration information:.....

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ/REQUEST

Cấp lại giấy chứng nhận/Reissue Lý do cấp lại/Reason(s):.....	□
Sửa chữa, bổ sung, điều chỉnhthông tin/Additional or amended information - Nội dung sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh/Details:..... - Lý do sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh/Reason(s):.....	□

Tài liệu gửi kèm theo Tờ khai/Attachments:

Ngày tháng năm
Date month year
Người đề nghị/Applicant
(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)

Tôi xin cam đoan các thông tin trong Tờ khai là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong Tờ khai này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

---

[84] Mẫu số 03 được thay thế theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022.